

MỐI QUAN HỆ GIỮA QUYỀN CON NGƯỜI VÀ ĐẠO ĐỨC

LƯƠNG MỸ VÂN^(*)

"Tuyên ngôn thế giới về quyền con người" không chỉ là lời tuyên bố về các quyền con người, mang đậm tính nhân văn, mà còn thể hiện mối quan hệ giữa quyền con người và đạo đức. Tập trung luận giải mối quan hệ này, tác giả đã đi đến kết luận: Quyền con người và đạo đức có quan hệ chặt chẽ, song bản thân quyền con người không thuộc về lĩnh vực đạo đức, cái thuộc về lĩnh vực đạo đức là hoạt động xác định, bảo vệ hoặc chống lại quyền con người của con người. Xác định rõ ràng ranh giới này sẽ tạo thuận lợi cho việc thực thi quyền con người trên thực tế.

Ngày 10/12/2008, Liên Hợp Quốc và toàn thể nhân loại đã kỷ niệm 60 năm ngày thông qua *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*. Đây là văn kiện đầu tiên, quan trọng nhất trong vấn đề quyền con người và hơn nửa thế kỷ qua, đã trở thành nguồn gốc của mọi luận chứng, suy tư và đấu tranh cho quyền con người trên thế giới. *Tuyên ngôn* này được soạn thảo trong bối cảnh quyền con người đang bị xâm phạm nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu: các cuộc chiến tranh thế giới, nạn diệt chủng, chủ nghĩa phát xít, nạn phân biệt chủng tộc, v.v.. *Tuyên ngôn* này ra đời đã kêu gọi cộng đồng quốc tế tập trung chú ý vào các quyền con người cơ bản, mở ra một thời kỳ mới trong việc nghiên cứu về quyền con người. Từ đó đến nay, quyền con người đã trở thành một trong những chủ đề suy tư và tranh luận rộng rãi nhất trên các lĩnh vực lý luận khác nhau.

Không ai không thấy rằng, *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* và các văn kiện khác về quyền con người mang đậm tính nhân văn sâu sắc. Nhưng, rõ ràng rằng từ đó, với cái nhìn đơn giản, toàn bộ quyền con người chỉ được quy về lĩnh vực đạo đức, coi đó như là chuẩn mực đạo đức tốt đẹp mà mỗi xã hội đều phải tuân theo. Sở dĩ gọi đó là "cái nhìn đơn giản", bởi nó dẫn đến những vướng mắc về mặt lý luận, nếu vấn đề mối quan hệ giữa đạo đức và quyền con người được xem xét sâu hơn. Qua bài viết này, chúng tôi hy vọng sẽ tháo gỡ được vướng mắc trên và đưa lại cách nhìn nhận thực chất hơn về vấn đề này.

1. Có rất nhiều định nghĩa và cách tiếp cận được đề xuất về *quyền con người*. Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy vấn đề này, thực ra, đã nhận được sự quan tâm

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

từ trước đó rất lâu. Theo chúng tôi, có thể bóc tách những yếu tố mang tính ý niệm về quyền con người trong những tư tưởng của các tác gia thời Cổ đại và Trung cổ, nhưng phải đến thời Cận đại, khi chủ nghĩa tư bản bắt đầu xác lập địa vị của mình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, thì vấn đề quyền con người mới chính thức thành hình.

Đương nhiên, ẩn dưới tất cả các quan niệm về quyền con người là cái nhìn về chính bản thân con người: Con người là gì? Địa vị của con người trong thế giới là như thế nào? Từ việc trả lời - một cách rõ ràng hoặc chỉ là định hướng - những câu hỏi này, các nhà tư tưởng mới bắt đầu xem xét những quyền của con người - những cái mà con người được hưởng, những điều kiện mà con người cần được đảm bảo. Chúng ta có thể thấy rõ điều này khi lược qua lịch sử của quan niệm về quyền con người.

Bước vào thời kỳ Cận đại, xã hội phương Tây đã trải qua những đảo lộn vô cùng to lớn về tất cả các mặt kinh tế, xã hội, văn hoá tinh thần. Trên lĩnh vực văn hoá tinh thần, đảo lộn lớn nhất là sự xác định lại địa vị và thân phận của con người. Con người ở thời kỳ trước đó - thời kỳ Trung cổ - được coi là sản phẩm và hình ảnh của Chúa trời, thì đến thời Cận đại, con người trở về với vị trí là một sản phẩm của tự nhiên. Nhưng không chỉ đơn thuần có thế, con người còn vượt lên trên tự nhiên, do chỗ con người có ý thức, có lý tính. “Rõ ràng, cùng với lý tính, tồn tại người trở nên cao hơn hẳn mọi tồn tại”(1). Con người trở thành trung tâm của thế giới, không phải theo nghĩa “trung tâm trong sự sáng tạo của tạo hoá” hay là “có

khả năng quyết định sự tồn tại của thế giới”, mà là “trung tâm theo nghĩa giá trị học”: “Sự tồn tại và vận động của thế giới không mang giá trị tự thân, nó chỉ có giá trị trong tương quan với sự tồn tại của chính con người”(2). Trong vấn đề quan hệ giữa người với người; vị trí của con người cũng có nhiều thay đổi. Nếu ở thời kỳ Trung cổ, hệ thống tôn ti chi phối mỗi người, thì đến thời Cận đại, tư tưởng bình đẳng đã nổi lên và chiếm ưu thế. Mỗi con người đều là sản phẩm của tự nhiên, đều được sinh ra như nhau, với một địa vị hoàn toàn ngang nhau. Như vậy, địa vị của con người trong thế giới và địa vị của con người trong quan hệ với người khác và với xã hội trong thời kỳ Cận đại đã hoàn toàn thay đổi so với thời Trung cổ. Và, sự thay đổi này, theo chúng tôi, chính là nguồn gốc cho sự nảy sinh quan điểm về quyền con người.

Xem xét địa vị của con người với thế giới và với người khác, J.Locke (1632-1704) đã dựa trên quan điểm về luật tự nhiên và trạng thái tự nhiên (quan niệm chung ở thời đại ông) để luận chứng cho quyền con người với tư cách quyền mang tính tự nhiên và bẩm sinh: “Con người sinh ra, như đã được chứng minh, với một địa vị tự do hoàn hảo và sự thụ hưởng không bị kiểm soát đối với tất cả các quyền và những ân huệ của luật tự nhiên, một cách bình đẳng như bất kỳ ai khác hay như với tất cả lượng người có trên thế giới này”(3). Như vậy, quyền con

(1) Hồ Sĩ Quý. *Con người và phát triển con người*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.141.

(2) Hồ Sĩ Quý. *Sđđ.*, tr.141-142.

(3) J.Locke. *Khảo luận thứ hai về chính quyền* (Lê Tuấn Huy dịch). Nxb Tri thức, Hà Nội, 2006, tr.124-125.

người - thứ mà con người được hưởng, con người cần có để đảm bảo cuộc sống người đích thực - là cái vốn có của con người, mang tính bẩm sinh, do tự nhiên đem lại. *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ (1776) thống nhất với cách nhìn nhận này của Locke: "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"(4). Đến *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp (1789), ảnh hưởng lối tư duy của thời đại tiếp tục in dấu: "Con người sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do, bình đẳng về quyền lợi, (...) Mục đích của các tổ chức chính trị là gìn giữ các quyền tự nhiên và không thể bị tước bỏ của con người; các quyền này là quyền tự do, quyền sở hữu, quyền được đảm bảo an ninh và chống áp bức"(5).

Kế thừa các tư tưởng thời Cận đại và vượt lên trên những hạn chế của các văn kiện đó, *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền* của Liên hợp quốc (1948) đã xem xét quyền con người không chỉ với tư cách quyền tự nhiên bẩm sinh, mà còn là quyền có tính xã hội; và không chỉ xem quyền con người đơn thuần là những quyền chính trị, mà còn là các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Những đặc điểm này đánh dấu một bước tiến lớn trong việc nghiên cứu, xác định và bảo vệ quyền con người trong thời kỳ hiện đại. Đương nhiên, không phải *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền* hoàn toàn không có hạn chế nào. Người ta có thể nói đến việc trong *Tuyên ngôn* này không có một số quyền con người đặc biệt quan trọng mà

các văn kiện sau này phải bổ sung, như các quyền của nhóm (group rights), quyền sinh thái, v.v.. Nhưng *Tuyên ngôn* này, về đại thể, đã nắm bắt trọn vẹn tinh thần chung về quyền con người hiện đại, nên đã trở thành nền tảng chính cho mọi nghiên cứu về quyền con người.

Từ những xem xét sơ lược như trên, chúng ta có thể đồng ý với ý kiến của TS. Chu Hồng Thanh về "những thuộc tính cơ bản của khái niệm quyền con người". "*Một là*, quyền con người luôn gắn chặt với mỗi con người vừa với tư cách cá nhân, vừa với tư cách thành viên xã hội. Vì vậy, quyền con người vừa mang thuộc tính tự do cá nhân, vừa thể hiện lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng. *Hai là*, quyền con người phải được xác định rõ bằng các quyền năng cụ thể, có tính chất phổ cập, cần thiết cho mọi người, không phân biệt chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, giới tính... *Ba là*, quyền con người vừa thể hiện thuộc tính tự nhiên của con người, vừa là khái niệm nảy sinh trong đời sống cộng đồng, gắn chặt chẽ với nhà nước, chế độ chính trị, pháp luật (...). Chỉ có thông qua pháp luật và thể chế thì nhu cầu, khả năng về quyền con người mới trở thành quyền được xác định"(6).

(4) *Tuyên ngôn độc lập của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (1776)*. Trích theo Hoàng Văn Hào, Chu Hồng Thanh. *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.9.

(5) *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1789)*. Trích theo Hoàng Văn Hào, Chu Hồng Thanh. *Sđđ.*, tr.15-16.

(6) Chu Hồng Thanh (chủ biên). *Tìm hiểu vấn đề nhân quyền trong thế giới hiện đại*. Nxb Lao động, Hà Nội, 1996, tr.49-50.

Ở đây, chúng tôi không nêu ra các định nghĩa về quyền con người. Lý do là số lượng các định nghĩa là rất lớn và mỗi định nghĩa đều mang trong mình không ít thì nhiều khía cạnh đúng đắn, nhưng hiện vẫn chưa có định nghĩa nào trở thành chuẩn chung cho các tìm hiểu về quyền con người. Hơn nữa, trong số đó lại có các định nghĩa nghiêng về phía coi quyền con người thuần túy là vấn đề đạo đức - quan điểm mà chúng tôi sẽ cố gắng xem xét lại trong phần sau của bài viết này.

2. *Đạo đức* là một trong những lĩnh vực đặc biệt người - chỉ có tồn tại người mới cần đến vấn đề đạo đức, đạo đức tồn tại chừng nào con người còn tồn tại. Đạo đức là hệ vấn đề thuần túy triết học, nhưng ứng dụng của nó thì mở rộng ra ở mọi lĩnh vực có liên quan đến con người.

Trong các ngôn ngữ phương Tây, thuật ngữ “đạo đức” đều có nguồn gốc từ “tập quán”: “Từ Latinh *moralis* bắt nguồn từ *mos, moris* (phong tục tập quán), từ *Sittlichkeit* trong tiếng Đức bắt nguồn từ *Sitten* (tập quán), trong tiếng Hy Lạp cũng có liên hệ từ nguyên tương tự”(7). Điều này không chỉ đơn thuần là vấn đề từ ngữ, mà ở đây đã bộc lộ bản chất của đạo đức: phong tục tập quán là những thói quen sống, sinh hoạt, ứng xử, được hình thành trong quá trình phát triển lâu dài của cộng đồng nhằm duy trì những nếp sống mà cộng đồng cho là tốt đẹp, qua đó bảo vệ bản sắc và thậm chí cả sự sống còn của cộng đồng. Cũng như vậy, đạo đức tồn tại dưới hình thức hệ thống những chuẩn mực điều chỉnh quan hệ giữa người với người. “Đạo đức là một quan hệ xã hội có tính quy tắc, có chuẩn

mục, có đánh giá, có giá trị, nhưng không ghi thành văn bản pháp quy, mà thông thường là nếp sống, phong tục tập quán do một cộng đồng nhất định tạo thành khi chung sống với nhau. Các quan hệ đạo đức trong xã hội thường được điều chỉnh bởi dư luận xã hội”(8).

Đạo đức thiết lập chuẩn mực cho quan hệ giữa người với người. Như vậy, vấn đề trung tâm của đạo đức là vấn đề quan hệ người - người(9). Tác giả Bandzeladze đã viết: “Thực chất của tính người là cảm thấy có nhu cầu về người khác”(10). Đây cũng là cách diễn đạt khác của mệnh đề nổi tiếng của C.Mác: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội”. Chỉ tham gia vào quan hệ với người khác, một người mới thiết lập được nhân cách của mình và mới trở thành cá nhân. Đạo đức chính là vấn đề xác định con người phải làm thế nào, nên làm thế nào và không nên làm thế nào khi tham gia vào quan hệ này. Từ đó, có thể thấy, *một mặt*, các chuẩn mực đạo đức của mỗi xã hội, mỗi cộng đồng hoặc mỗi thời kỳ lịch sử là khác biệt nhau, do chỗ quan hệ người -

(7) G.Bandzeladze. *Đạo đức học*, t.1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1985, tr.48.

(8) Vũ Trọng Dung (chủ biên). *Giáo trình đạo đức học Mác - Lênin*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.11.

(9) Ngày nay, người ta còn nói tới quan hệ người - tự nhiên và qua đó, hình thành đạo đức học sinh thái. Thực chất vấn đề đối xử với tự nhiên cũng thể hiện quan hệ xã hội của con người: qua việc đối xử với tự nhiên, con người thể hiện thái độ với sự sống còn và phát triển của bản thân mình, của cộng đồng, của loài người nói chung và của các thế hệ tương lai.

(10) G.Bandzeladze. *Sđđ.*, tr.10.

người của mỗi thời có những đặc điểm hoàn toàn khác biệt. *Mặt khác*, đạo đức là lĩnh vực có tính xã hội cao, nhưng cũng là lĩnh vực có tính cá nhân rất lớn: đó là cách thức con người đối xử với người khác, qua đó đối xử với chính bản thân mình và thể hiện bản chất, nhân cách của mình.

Hình thức tồn tại đặc trưng của mỗi nền đạo đức là hệ thống chuẩn mực - từ việc xác định cái gì là thiện, ác, đúng, sai trong quan hệ giữa người với người, đưa ra những mệnh lệnh đạo đức để điều chỉnh hành vi của con người. Mệnh lệnh đạo đức có thể là mệnh lệnh ngăn cấm - ngăn cản con người không thực hiện những hành vi có hại cho người khác và cho cộng đồng, có thể là mệnh lệnh khuyến khích - hướng con người thực hiện những hành vi có ích cho cộng đồng. Từ kết quả của hành vi đối với cộng đồng, việc đánh giá đạo đức lại dựa trên những chuẩn mực đã có sẵn để xem xét hành vi đó là đúng, thiện, hay sai, ác. Mỗi thời kỳ, mỗi xã hội, mỗi nền văn hoá có một hệ thống chuẩn mực riêng của mình. Sự khác biệt thể hiện rõ nhất khi ta so sánh các hệ thống chuẩn mực ở các giai đoạn lịch sử khác nhau; còn đối với các xã hội, các nền văn hoá riêng biệt cùng một thời kỳ lịch sử, thì khác biệt chỉ là chi tiết, không mang tính bản chất.

Tóm lại, vấn đề trung tâm của đạo đức là quan hệ giữa con người với người khác và với xã hội, từ đó xác lập hệ chuẩn cho hành vi và cho cả hướng nhận thức của con người. Nếu việc xem xét bản chất mối quan hệ người - người là công việc của triết học, thì việc xác lập, áp dụng hệ

thống chuẩn mực đạo đức cho hành vi của con người lại có một trường hoạt động rộng lớn hơn, tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động người, trong đó có lĩnh vực nghiên cứu, áp dụng và bảo vệ quyền con người.

3. Từ khi *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* ra đời, quyền con người trở thành vấn đề nổi cộm trong các tranh luận của giới nghiên cứu cũng như giữa các chính trị gia và các nhà hoạt động xã hội. Cho đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa được mọi học giả đồng tình về quyền con người. Thực chất đây cũng là tình trạng chung của các thuật ngữ của khoa học xã hội và nhân văn - do chỗ mỗi người đều có những lập trường riêng và xuất phát điểm riêng về các vấn đề nghiên cứu. Với vấn đề quyền con người, điều này đã khiến cho khái niệm quyền con người được tiếp cận ở vô số hướng khác nhau. Tác giả Chu Hồng Thanh đã đưa ra hơn 10 khía cạnh khác nhau trong quan niệm về quyền con người(11). Trong đó, đáng chú ý là khía cạnh đạo đức của vấn đề: "Câu trả lời về quyền con người rất giản đơn: quyền con người là quyền đạo đức, chỉ là quyền đạo đức... Khái niệm "quyền con người là yêu cầu đạo đức hữu hiệu dựa trên tất cả các nhu cầu chủ yếu của con người"... "Quyền con người là quyền đạo đức phổ biến thuộc về mọi người một cách ngang nhau"(12). Định nghĩa về quyền con người của James Nickel được nhiều học giả đồng tình cũng nghiêng về hướng "tính đạo đức của quyền con người": "Quyền con người được

(11) Xem: Chu Hồng Thanh (Chủ biên). *Sdd.*, tr.29 và tiếp theo.

(12) Chu Hồng Thanh (Chủ biên). *Sdd.*, tr.33.

định nghĩa như những bảo đảm về mặt đạo đức cơ bản mà con người ở mọi quốc gia và mọi nền văn hoá được coi là đều có, bởi vì đơn giản rằng họ đều là con người. Gọi những bảo đảm đó là “quyền” có nghĩa rằng chúng gắn liền với những cá nhân cụ thể, những người có thể cầu viện đến chúng; rằng chúng là những thứ được ưu tiên cao, và rằng việc tuân theo chúng là bắt buộc hơn là sự tùy tiện. Quyền con người thường được cho là có tính phổ quát trong nghĩa là mọi người đều có và đều được phép thụ hưởng chúng, và có tính độc lập trong nghĩa là chúng tồn tại và có hiệu lực với tư cách những tiêu chuẩn cho sự biện minh và phê phán dù chúng có được thừa nhận và thực hiện bởi hệ thống luật pháp hay viên chức của một đất nước hay không”(13).

Nói chung, chúng tôi không phủ nhận ý nghĩa đạo đức của vấn đề quyền con người. Quyền con người được đặt ra là để chuẩn hoá quan hệ về mặt đạo đức giữa người với người, đòi hỏi các cá nhân và các tổ chức cộng đồng phải tuân thủ; vấn đề là việc tuân thủ các quy định về quyền con người là vì người khác, vì cộng đồng nhiều hơn hướng đến lợi ích của bản thân mỗi cá nhân, nên rõ ràng nó có ý nghĩa nhân văn cao cả. Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, việc quy toàn bộ vấn đề quyền con người *chỉ* về lĩnh vực đạo đức sẽ dẫn tới những hạn chế cả trong việc nghiên cứu lẫn ứng dụng vào thực tế.

Quyền con người, hiểu một cách giản đơn nhất, là những thứ mà con người phải được hưởng, những điều kiện phải đảm bảo cho con người để con người sống đúng với tư cách người. Không nêu ra định nghĩa chung về quyền con người,

Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền đã liệt kê một loạt các quyền con người tối thiểu. “Những quyền này có thể được chia ra thành 6 nhóm khác nhau: *quyền an ninh (security rights)* bảo vệ con người khỏi các tội ác như giết người, tàn sát, tra tấn, cưỡng đoạt; *quyền tố tụng đúng luật (due process rights)* bảo vệ con người khỏi sự lạm dụng hệ thống luật như tống giam không xét xử và các hình phạt quá mức; *quyền tự do (liberty rights)* bảo vệ sự tự do trong các lĩnh vực như tín ngưỡng, ngôn luận, lập hội, tụ họp, và di lại; *quyền chính trị (political rights)* bảo vệ sự tự do tham gia vào chính trị thông qua những hoạt động như tuyên truyền, hội họp, phản kháng, bầu cử, và tham gia các cơ quan công quyền; *quyền bình đẳng (equality rights)* bảo đảm tư cách công dân bình đẳng, sự bình đẳng trước pháp luật, sự không bị phân biệt đối xử; và *quyền xã hội (hay “an sinh”) (social (or “welfare”) rights)* đòi hỏi việc giáo dục cho mọi trẻ em và bảo vệ khỏi sự đói nghèo”(14). Các văn kiện sau đó còn bổ sung thêm những quyền con người quan trọng khác nữa, trong đó có quyền của nhóm (group rights) - “bảo vệ những nhóm dân tộc khỏi sự diệt chủng hoặc bị đàn áp bởi các chính quyền đang có quyền lực trên những vùng đất mà họ sinh sống”(15), quyền sinh thái, v.v.. Từ đây, chúng ta thấy rằng, nếu nhìn nhận đạo đức theo đúng nghĩa hẹp của từ, thì không thể coi các quyền này là các chuẩn mực đạo đức. Bản thân các quyền con người không ở trong phạm vi của những

(13) <http://www.iep.utm.edu/h/hum-rts.htm>

(14) <http://plato.stanford.edu/entries/rights-human/>

(15) <http://plato.stanford.edu/entries/rights-human/>

điều chỉnh đạo đức của một nền đạo đức xã hội. Vì sao vậy?

“Quyền con người” xác định các nền tảng để con người được tồn tại đúng như con người. Các nền tảng này, như trên đã chỉ ra, bao gồm mọi mặt của đời sống con người với tư cách cá nhân và với tư cách “ở trong cộng đồng”: Từ những bảo đảm có tính thiết yếu cho sự sống còn, như bảo đảm chống lại đói nghèo, bảo đảm khỏi những bạo hành về thể xác và tinh thần cho đến những nhu cầu cao hơn về tinh thần và sự tham gia vào đời sống xã hội, như tự do, bình đẳng, v.v.. Các quyền này được áp dụng cho tất cả mọi người và đã là con người thì ai cũng được hưởng những quyền ấy, bất kể người đó tốt hay xấu, lương thiện hay không lương thiện, trung thực hay đạo đức giả. Không phải vì có chúng hay vì không có chúng mà con người trở nên tốt đẹp hơn hoặc xấu xa đi về mặt đạo đức. Các quyền này hiện diện hay không hiện diện nơi con người không phải là thước đo để đánh giá đạo đức, nhân cách của con người đó. Một người sống trong một xã hội độc tài không có quyền tự do đi lại, không phải vì thế mà anh ta là người xấu; một người ở trong một xã hội đảm bảo đủ quyền con người cho anh ta, thì cũng không phải vì vậy mà anh ta là người tốt. Không phải ngẫu nhiên mà khái niệm “quyền con người” (human rights) lại có gốc gác và có quan hệ chặt chẽ với khái niệm “quyền tự nhiên” (natural rights). “Quyền tự nhiên” ở đây được hiểu là “quyền mang tính tự nhiên của con người”, quyền có hữu, quyền bẩm sinh của con người. Nó không phải là vấn đề thiện hay ác; nó cũng

không phải là vấn đề điều chỉnh quan hệ người - người.

Song, nếu bản thân quyền con người không thuộc về phạm vi điều chỉnh của đạo đức, thì việc xác định các quyền của con người, việc đấu tranh để thực thi và bảo vệ quyền con người lại chính là vấn đề đạo đức và hơn thế, là một trong những vấn đề đạo đức quan trọng nhất. Theo chúng tôi, các định nghĩa và các tuyên bố nghiêng về ý cho rằng quyền con người mang tính đạo đức và tính nhân văn, chính là đã sử dụng khía cạnh này của vấn đề để đưa ra kết luận.

Việc quyền con người được tuyên bố trong *Tuyên ngôn nhân quyền*, rồi trong hàng loạt các văn kiện quốc tế khác, trong các tài liệu nghiên cứu về quyền con người, tất cả những việc định ra, đấu tranh để thực thi nó, bảo vệ nó, việc lên án những vi phạm đối với quyền con người⁽¹⁶⁾ có thể coi là cái thiện, một nền đạo đức hiện đại. Bởi nó bảo vệ và mang lại lợi ích cho người khác, cho xã hội. Một cách tổng quát, mọi quyền con người được nêu ra và được bảo vệ thể hiện một chuẩn mực đạo đức có tính đặc biệt nhân văn trong thời đại ngày nay. Chuẩn mực ấy có thể được phát biểu bằng một “mệnh lệnh đạo đức” như sau: “Hãy đối xử với con người như là con người”. Coi người khác, những người khác là những con người - bình đẳng, tự do, không

(16) Ở đây, vấn đề còn rắc rối hơn nhiều, bởi chính việc xác định các quyền con người còn chưa có được sự đồng thuận chung, việc lên án các vi phạm về quyền con người nhiều khi còn là chiêu bài để che giấu những mục đích chính trị khác. Chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề trên nguyên tắc của nó, chứ không thể xem xét những khía cạnh cụ thể, phức tạp của nó.

phân biệt, bảo vệ quyền làm người của người khác, của những người khác, đó *một mặt*, là cách đối xử nhân văn nhất với người khác và với cộng đồng; *mặt khác*, cũng là cách đối xử nhân văn nhất với bản thân mình. Nếu xem xét vấn đề ở khía cạnh này, thì có thể thấy, việc xác định và bảo vệ quyền con người là một trong những chuẩn mực nền tảng của đạo đức hiện đại.

Chúng tôi xem xét vấn đề chuẩn mực ở đây là để nhấn mạnh rằng, chúng tôi không hề phủ định ý nghĩa đạo đức của vấn đề quyền con người, chỉ có điều là cần phải phân biệt rõ: Trong vấn đề quyền con người, cái gì nằm trong phạm vi điều chỉnh của đạo đức, cái gì không.

Ngoài ra, sự “chênh nhau” giữa quyền con người và đạo đức còn thể hiện ở một khía cạnh quan trọng khác: Tính chất pháp lý của vấn đề quyền con người.

Các quyền con người được xác định và được bảo vệ trên phạm vi mỗi quốc gia cũng như quốc tế. Nhưng, việc xác định và bảo vệ quyền con người nếu chỉ dựa vào công cụ điều chỉnh của đạo đức - dư luận xã hội và lương tâm mỗi con người - thì không thể có được những hiệu lực thực sự. Ở đây, chúng ta phải nhìn nhận thực trạng bằng con mắt thực tế - tại sao pháp luật, khi được coi là “đạo đức tối thiểu”, vẫn cần thiết và thậm chí ngày càng phát triển? Chỉ khi được luật hoá, được bảo vệ bằng các công cụ điều chỉnh của luật pháp - hệ thống luật, toà án, cảnh sát... - ở cấp độ quốc gia và quốc tế(17), thì những tuyên bố bảo vệ quyền con người mới phát huy tác dụng của mình. “Quyền con người có thể tồn tại (...) như một quyền pháp lý trên phạm vi dân tộc (ở đây nó có thể được đề cập dưới cái

tên quyền “dân sự” hay “hợp hiến”), hay như quyền pháp lý trong khuôn khổ luật pháp quốc tế”(18). Như vậy, quyền con người còn là vấn đề pháp luật, không thể chỉ đơn thuần được nhìn nhận như vấn đề đạo đức.

Việc xem xét một cách thuần túy quyền con người như là vấn đề đạo đức sẽ dẫn đến những hạn chế không tránh khỏi trong việc áp dụng các quyền con người vào thực tế. Đó chính là lý do chúng tôi tìm cách phân tách rành mạch giữa bản thân quyền con người và việc xây dựng hệ thống các quyền con người, ủng hộ, thực hiện quyền con người.

Nhìn chung, vấn đề quyền con người từ khi được chính thức thừa nhận trên phạm vi toàn cầu - thông qua *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người* - đã ngày càng nhận được sự quan tâm sâu sắc của các nhà hoạt động xã hội, các nhà nghiên cứu và của toàn bộ dư luận rộng rãi. Một trong những chủ đề nổi trội của vấn đề quyền con người là mối quan hệ giữa quyền con người và đạo đức. Xem xét chi tiết vấn đề, chúng ta sẽ thấy quyền con người và đạo đức có những mối quan hệ chặt chẽ. Nhưng bản thân quyền con người không thuộc về lĩnh vực đạo đức, cái thuộc về lĩnh vực đạo đức là hoạt động xác định, bảo vệ hoặc chống lại quyền con người của con người. Vấn đề quyền con người không hoàn toàn nằm trong lĩnh vực đạo đức. Xác định rõ ràng ranh giới giữa quyền con người và đạo đức sẽ tạo thuận lợi cho việc thực thi quyền con người trên thực tế. □

(17) Ở đây, chúng tôi loại bỏ trường hợp “cấp độ quốc tế” dưới dạng quốc gia này xâm phạm chủ quyền quốc gia khác với lý do “bảo vệ nhân quyền”.

(18) <http://plato.stanford.edu/entries/rights-human/>